

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2019/DS-PT
Ngày 24 – 9 – 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy quyết định cấp giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 272/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1914/2019/QĐ-PT ngày 14/8/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Trần Văn H), sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện M tỉnh V; (*có mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2019): Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 33/6 đường M, Phường 3, thành phố V, tỉnh V; (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H: Ông Nguyễn Hòa Thuận – Luật sư làm việc tại Chi nhánh Văn phòng luật sư Thuận Nguyễn, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Kim M, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Trần Kim M (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 13/8/2019):

1- Ông Trần Công S1, sinh năm 1979; cư trú tại Ấp P A, xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

2- Ông Trần Công K, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp P. xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Bà Trần Kim M: Ông Nguyễn Quốc Toàn – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH IAM, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Diệp Thị X sinh năm 1942; cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; (vắng mặt).

2. Bà Trần Kim C, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

3. Bà Trần Kim L, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp P L, xã B, huyện M, tỉnh V; (vắng mặt).

4. Bà Trần Kim T, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh V; (có mặt).

5. Bà Trần Kim Q, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của các bà Diệp Thị X, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 13/8/2019):

+ Ông Trần Công S1, sinh năm 1979; cư trú tại Ấp P A, xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

+ Ông Trần Công K, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp P. xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

6. Ông Trần Công S1, sinh năm 1979; cư trú tại Ấp P A, xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

7. Ông Trần Công K, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp P. xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

8. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1930, (chết ngày 20/6/2018)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:

8.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp P A, xã N, huyện M, tỉnh V; (vắng mặt).

8.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp P H, xã N, huyện M, tỉnh V; (vắng mặt).

8.3. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp T B, xã T, huyện M, tỉnh V; (vắng mặt).

8.4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp Phú Quới, xã N, huyện M, tỉnh V; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Xiêu, bà Nguyễn Thị H (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2018): Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 33/6 đường M, phường 3, thành phố V, tỉnh V; (có mặt).

8.5. Nguyễn Văn H (Trần Văn H), sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

9. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; (có mặt).

10. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh V; (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H (Trần Văn H);

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/12/2016 và đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn Nguyễn Văn H (tên gọi khác Trần Văn H) và người đại diện theo ủy quyền của ông H là Ông Phạm Ngọc K trình bày:

Năm 1966, ông H và cha ông là Nguyễn Văn Đ về sinh sống tại Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V và được chính quyền địa phương cấp một phần đất để canh tác. Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980, ông Được đã kê khai thửa 43 diện tích 1.620m², loại đất 2 lúa và thửa 46 diện tích 1.100m², loại đất Thổ vườn, còn ông H kê khai thửa 45 diện tích 1.590m², loại đất Thổ vườn. Các thửa đất 43, 45, 46 của gia đình ông H đều giáp ranh với thửa 44 của ông Trần Văn S

cho nên khi còn sống ông S đã lấn chiếm thửa 43 diện tích khoảng 320m² đất để trồng 09 cây dừa trên đất và một số cây trồng khác không có giá trị, lấn chiếm thửa 45 một phần đất để cất căn nhà tạm diện tích khoảng 50m² đất, lấn chiếm thửa 46 diện tích khoảng 50m² đất làm ao chứa nước sinh hoạt. Năm 1993, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M cấp quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn S tại thửa 737, tờ bản đồ số 4 diện tích 5.770m² là bao gồm luôn các thửa 43, 45, 46 của ông H. Từ khi ông S được cấp đất thì hai bên xảy ra tranh chấp. Năm 2004, ông Trần Văn S chết, con gái ông S là Trần Kim Mạnh tiếp tục sử dụng thửa 737 và các phần đất đang lấn chiếm trên. Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 số vào sổ 26043 ngày 12/10/1993 do UBND huyện M cấp cho Trần Văn S; hủy một phần Quyết định số 253/QĐ-UBH ngày 13/10/1993 của UBND huyện M và giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất cấp cho ông S đối với thửa 737, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa 21, tờ bản đồ số 14) diện tích 5.770m² tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

Công nhận cho ông H được sử dụng tách thửa 18 diện tích 494,9m² đất BCS do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa 21 diện tích 1.617,6m² đất ONT-CLN; tách thửa 21 diện tích 1.961m² đất ONT-CLN do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà M di dời 01 căn nhà bếp diện tích 45,504m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền lát gạch tàu, mái lá, không trần, đòn tay gỗ, vách ván; sân nền gạch tàu diện tích 85,094m²; sân lót đanl diện tích 35,1m²; chuồng heo 45,362m² để giao trả lại đất cho ông H sử dụng. Đối với diện tích đất còn lại 1.654,8m² đất ONT-CLN tại chiết thửa 21 ông H không có tranh chấp.

Bị đơn Bà Trần Kim M có người đại diện theo ủy quyền là Ông Trần Công S1 và ông Trần Công K trình bày:

Bà Diệp Thị X và ông Trần Văn S có 08 người con gồm: Trần Công K, Trần Kim C, Trần Kim Mạnh, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công S1, Trần Kim Thủy (mất năm 2016) có 02 con tên Võ Hoàng Minh, Võ Hoàng Luân.

Ông S chết năm 2004, di sản của ông S để lại là thửa đất 737, diện tích 5.770m² đất TQ, tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V. Nguồn gốc thửa đất này là do ông S khai phá vào năm 1949. Sau khi khai phá, gia đình ông S cất nhà ở trên đất, lúc này bà Trần Thị Bảy em ruột của ông S ở chung gia đình với ông S. Sau đó, bà Bảy có chồng tên Trần Văn Cát nên cất nhà ở riêng không ở cùng thửa đất do ông S khai phá. Khi ông Cát tham gia cách mạng hy sinh, bà Bảy tái giá

có chồng khác là ông Nguyễn Văn Đ. Do chiến tranh nên gia đình bà Bảy đi tản cư về Long Hồ sinh sống. Sau năm 1975, bà Bảy trở về Ấp P, được ông S đồng ý cho bà Bảy và ông Được cất nhà trên thửa đất 737 để ở. Vào năm 1981, khi kê khai đăng ký đất, do ông S có nhiều thửa đất không thể đứng tên kê khai đăng ký hết nên ông S kê khai thửa 44, cho ông H đứng tên kê khai thửa đất 45 diện tích 1.590m², loại đất Thổ vườn, ông Được đứng tên kê khai thửa 46 diện tích 1.100m², loại đất Thổ vườn, riêng thửa đất 43 diện tích 1.620m² đất 02 lúa không có kê khai, các thửa đất tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V. Đến năm 1991, khi Nhà nước đo đạc theo chương trình đất, ông S đứng tên kê khai toàn bộ các thửa đất của ông S gồm thửa 43, 44, 45, 46 và đăng ký thành thửa mới là số 737 diện tích 5.770m² đất TQ tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V. Ngày 12/10/1993, ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S đứng tên. Trên thửa 737 có căn nhà của bà Diệp Thị X và các con bà X là Trần Công K, Trần Kim C, Trần Kim Mạnh quản lý sử dụng và trên đất có trồng một số cây ăn trái như dừa, nhãn, chuối... Gia đình ông S tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất 737, đến năm 2004 ông S chết. Sau đó, bà X và các con vẫn tiếp tục sử dụng thửa đất 737.

Bà M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H đòi gia đình bà M thửa đất 21 (thửa cũ 737) do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 03/5/2018, bị đơn Bà Trần Kim M có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần đất thuộc tách thửa 18 diện tích 494,9m² loại đất BCS cho bà X cùng các con của bà X và ông S; đồng thời, yêu cầu ông H di dời 01 chuồng bò nằm trên thửa 737 để trả lại đất cho gia đình bà M sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị X, ông Trần Công K, Ông Trần Công S1 bà Trần Kim C, bà Trần Kim L, bà Trần Kim T, bà Trần Kim Q, do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Công K và Ông Trần Công S1 trình bày:

Thửa đất 737 do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Diệp Thị X và các con của bà X và ông S hiện đang quản lý sử dụng nhưng chưa kê khai thửa kế quyền sử dụng đất. Ông K và ông S1 yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận cho bà Diệp Thị X và 8 người con của bà X và ông S được quyền sử dụng thửa đất 737 (nay là thửa 21) diện tích 5.770m² và một phần chiết thửa 18 diện tích 494,9m² BCS tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn B, ông

Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị H có người đại diện theo ủy quyền là Ông Phạm Ngọc K trình bày:

Các ông, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H. Bà N, ông B, ông X và bà H đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Trần Kim M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh P trình bày:

Ông Nguyễn Thanh P là con của ông H, ông Phong yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Trần Kim M.

- Tại Văn bản số 976/UBND-NC ngày 01/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M có ý kiến:

Ngày 24/3/1991, ông Trần Văn S có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 737 (thửa mới 21) diện tích 5.770m² loại đất thổ quả, nguồn gốc đất mua trước năm 1975, được Hội đồng đăng ký đất xã B xét cấp. Ngày 10/3/1993, UBND xã B có thông báo công khai kết quả đăng ký đất đai, thời gian công khai 10 ngày. Đến ngày 21/3/1993, UBND xã B có biên bản kết thúc việc công khai hồ sơ đăng ký đất của xã. Ngày 12/10/1993, ông Trần Văn S được Chủ tịch UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành tổng cục B449062, số vào sổ thửa 737 (thửa mới 21) 5.770m² loại đất thổ quả, tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn S ghi nhận số thửa 737, tờ bản đồ số 0004, diện tích 5.770m², loại đất thổ quả. Khi thực hiện đo đạc theo tư liệu chương trình đất thì thửa 737 thành thửa mới số 21, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.770m² loại đất thổ quả. UBND huyện M bảo lưu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông S tại thửa 737 tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:10/2019/DS-ST ngày 27/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh V đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 175, 185, 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 99, Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H (Trần Văn H) và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Kim Mạnh:

1. Công nhận cho những người thừa kế của ông Trần Văn S gồm các đương sự Diệp Thị X, Bà Trần Kim M, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công K, Trần Công S1 được quyền sử dụng tách thửa 21 diện tích 1.617,6m² đất ONT-CLN, tờ bản đồ số 14; tách thửa 21 diện tích 1.961,0m² đất ONT-CLN, tờ bản đồ số 14 do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V. Giao bà Diệp Thị X, Trần Kim Mạnh, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công K, Trần Công S1 được sở hữu toàn bộ cây trồng gắn trên đất.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 20/11/2017).

- Buộc gia đình Bà Trần Kim M gồm bà Diệp Thị X, Trần Kim Mạnh, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công K, Trần Công S1 bồi hoàn cho ông Nguyễn Văn H giá trị chuồng bò tổng cộng thành tiền là 7.738.600 đồng (bảy triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

- Giao cho gia đình bà M gồm bà Diệp Thị X, Trần Kim Mạnh, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công Khải, Trần Công S1 được sở hữu một chuồng bò do gia đình ông H xây dựng có kết cấu cột bê tông cốt thép chôn chân, mái tôn không trần, kết cấu đỡ mái đòn tay gỗ, nền láng xi măng, tường xây lửng cao 60 cm gắn trên diện tích 1.961,0m² đất ONT-CLN thuộc tách thửa 21, tờ bản đồ số 14 tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

2. Buộc Bà Trần Kim M giao trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn H (Trần Văn H) diện tích 494,9m² đất BCS tại tách thửa 18, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 20/11/2017).

- Buộc bà M đốn phá và di dời các cây nhãn trên diện tích 494,9m² đất BCS tại tách thửa 18, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V đất mà ông H không phải bồi hoàn giá trị cây trồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi hoàn cho bà M giá trị chuồng heo là 10.865.106đ (mười triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm lẻ sáu đồng). Giao cho ông H được sử dụng một chuồng heo do bà M xây dựng

diện tích 45,362m² có kết cấu nền lán xi măng, cột bê tông cốt thép chôn chân, tường xây lũng gắn trên diện tích 494,9m đất tại chiết thửa 18.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H (Trần Văn H) yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 253/QĐ-UBH ngày 13/10/1993 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 số vào sổ 26043 ngày 12/10/1993 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Trần Văn S thửa đất số 737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ số 14) diện tích 5.770m² tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H (Trần Văn H) yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 số vào sổ 26043 ngày 12/10/1993 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Trần Văn S thửa đất số 737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ số 14) diện tích 5.770m² tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá, thẩm định tài sản; tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Hủy một phần Quyết định số 253/QĐ-UBH ngày 13/10/1993 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn S và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 ngày 12/10/1993 do UBND huyện M cấp cho Trần Văn S đối với thửa 737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ số 14), diện tích 5.770m² tọa lạc ấp Phước Thới, xã B, huyện M, tỉnh V.

+ Công nhận cho ông H được sử dụng đối với diện tích đất các thửa: Tách thửa 21, diện tích 1.617,6m² đất ONT-CLN do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tách thửa 21, diện tích 1.961m² đất ONT-CLN do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo kết quả Trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 20/11/2017)

+ Yêu cầu Bà Trần Kim M di dời toàn bộ vật kiến trúc có trên phần đất tranh chấp gồm: 01 căn nhà bếp diện tích 45,504m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền lát gạch tàu, mái lá, vách ván, không trần, đòn tay gỗ; sân nền gạch tàu diện tích 85,094m²; sân lót đanl diện tích 35,1m², thuộc tách thửa 21, diện tích 1.961m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Theo tư liệu 299/TTg, ông Trần Văn S chỉ kê khai thửa 44, còn ông Nguyễn Văn Đ kê khai thửa 46 và ông Nguyễn Văn H kê khai thửa đất 45. Trên sổ mục kê đăng ký ruộng đất xã B thể hiện đất thuộc thửa 45, 46 là do ông Được khai phá, thực tế gia đình ông Được, ông H cũng là người quản lý và sử dụng đất thuộc các thửa 43, 45, 46. Tuy nhiên sau đó, ông Trần Văn S lại đứng tên kê khai toàn bộ các thửa đất 43, 44, 45, 46, đăng ký thành thửa mới là số 737 với diện tích 5.770m² và được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả các thửa đất gia đình ông H đang quản lý, sử dụng hợp pháp nêu trên là không đúng thực tế, ông S không phải là đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Mặt khác, việc UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 ngày 12/10/1993 cho ông S đối với thửa đất số 737 là cấp trước ngày ban hành Quyết định số 253/QĐ-UBH ngày 13/10/1993. Trong khi đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S đối với thửa đất này là theo Quyết định số 253/QĐ-UBH ngày 13/10/1993 của UBND huyện M. Như vậy, việc UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 ngày 12/10/1993 cho ông S đối với thửa đất số 737 là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Bà Trần Kim M trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 737 là do ông Trần Văn S khai phá vào năm 1949. Sau khi khai phá, gia đình ông S cất nhà ở trên đất và quản lý, sử dụng thửa đất này cho đến nay là đúng sự thật. Vì ông Nguyễn Văn Đ là chồng của bà Trần Thị Bảy (em ruột ông S) nên ông S đồng ý cho cất nhà ở trên đất. Năm 1981, ông Nguyễn Văn Đ đứng tên kê khai thửa 46 và ông Nguyễn Văn H đứng tên kê khai thửa đất 45 là do thời điểm này Nhà nước có chủ trương điều chỉnh lại đất đai nên ông S có nhờ ông Được và ông H đứng tên kê khai. Sau khi chủ trương này không còn thì ông S đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình ông S kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Được và ông H cũng không ngăn cản và không có ý kiến khiếu nại. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có

căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Thanh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định khi kê khai đăng ký quyền sử dụng thì ông Trần Văn H (Nguyễn Văn H) chỉ kê khai đăng ký các thửa 738, 739, 740; theo đó, đến ngày 16/9/1991 ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất này. Còn thửa đất có tranh chấp 737 nằm giữa 03 thửa đất trên thì do ông Trần Văn S đăng ký vào ngày 24/3/1991. Như vậy, ông H và ông Được không đăng ký thửa 43, 45, 46 (sau là thửa 737) mà do ông S kê khai đăng ký; trên đất này có nhà và các cây trồng của gia đình ông S và bà M. Tại Văn bản số 976/UBND-NC ngày 01/11/2018, UBND huyện M xác định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S đối với thửa 737 được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Thanh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P nộp trong thời hạn, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm như sau:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của ông H về việc hủy một phần quyết định số 253/QĐ-UBH ngày 13/10/1993 của UBND huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn S và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 ngày 12/10/1993 do UBND huyện M cấp cho Trần Văn S đối với thửa 737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ số 14), diện tích 5.770m² tọa lạc ấp Phước Thới, xã B, huyện M, tỉnh V; công nhận cho ông H được sử dụng đối với các thửa: Tách thửa 21, diện tích 1.617,6m² đất ONT-CLN do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tách thửa 21, diện tích 1.961m² đất ONT-CLN do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

[2.1a] Tại Biên bản làm việc ngày 26/02/2019 (BL 342, 343), đại diện UBND xã B, huyện M xác định quá trình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông Trần Văn S thửa đất 737 (thửa cũ 43, 44, 45, 46 theo Tư liệu 299/TTg) không có tranh chấp, hiện trạng sử dụng thì do gia đình ông Được sử dụng thửa 46 cất nhà ở, còn gia đình ông S sử dụng các thửa 43, 44, 45, có căn nhà trên thửa 45. Nội dung xác nhận này phù hợp với nội dung của Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 và phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn Tặng tại Biên bản làm việc ngày 26/02/2019: Trước năm 1993, ông Được chỉ sử dụng thửa đất 46, ông S sử dụng thửa 43, 44, 45. Trên thửa đất 45 có căn nhà của ông S, trên thửa 46 có nhà của ông Được. Khi đi thu thuế ông S chỉ đóng thuế 3 thửa 43, 44, 45. Riêng thửa 46 ông S không đóng thuế vì cho rằng ông Được sử dụng.

[2.1b] Trong khi thửa đất 737 nằm giữa 03 thửa đất 738, 739, 740, nhưng khi Nhà nước thực hiện đo đạc bản đồ giải thửa năm 1991 thì ông H chỉ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa 738, 739, 740 và được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 16/9/1991 (BL 239-241).

[2.1c] Tại Văn bản số 976/UBND-NC ngày 01/01/2018, UBND huyện M xác định: Ngày 24/3/1991, ông Trần Văn S có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 737 (thửa mới 21) diện tích 5.770m² loại đất thổ quả, nguồn gốc đất mua trước năm 1975. Được Hội đồng đăng ký đất xã B xét cấp. Ngày 10/3/1993, UBND xã B có thông báo công khai kết quả đăng ký đất đai, thời gian công khai 10 ngày. Đến ngày 21/5/1995, UBND xã có biên bản kết thúc việc công khai hồ sơ đăng ký đất của xã B. Ngày 12/10/1993, ông Trần Văn S được Chủ tịch UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành tổng cục B449062, sổ vào sổ thửa 737 (thửa mới 21) diện tích 5.770m² loại đất thổ quả tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật (BL 291).

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở xác định lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H cho rằng toàn bộ thửa đất 737 có nguồn gốc là do ông Nguyễn Văn Đ (cha ông H) khai phá sử dụng từ năm 1966; đến khi đo đạc theo chương trình đất thì ông Trần Văn S kê khai đăng ký và được UBND huyện M cấp quyền sử dụng đất cho ông S là thửa 737 có diện tích 5.770m²; khi ông S kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng thửa đất này thì gia đình ông H, ông Được không hay biết, là không có cơ sở.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc hủy một phần quyết định số 253/QĐ-UBH ngày 13/10/1993 của UBND huyện M và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp ngày 12/10/1993 cho Trần Văn S đối với thửa 737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ số 14), tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; không công nhận cho ông H được quyền sử dụng diện tích đất 1.617,6m² và 1.961m² đất ONT-CLN thuộc tách thửa 21 do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông H về việc buộc Bà Trần Kim M di dời toàn bộ vật kiến trúc có trên phần đất tranh chấp gồm: 01 căn nhà bếp diện tích 45,504m² có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền lát gạch tàu, mái lá, vách ván, không trần, đòn tay gỗ; sân nền gạch tàu diện tích 85,094m²; sân lót đanl diện tích 35,1m², thuộc tách thửa 21, diện tích 1.961m²:

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 thì toàn bộ vật kiến trúc nêu trên là thuộc quyền sở hữu của gia đình Bà Trần Kim M xây dựng trên phần đất tranh chấp tại thửa đất số 21 (thửa cũ 737 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không công nhận thuộc quyền sử dụng của ông H là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Phong; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những ý kiến quan điểm đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Những ý kiến quan điểm đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Bà Trần Kim M phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6] Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H (Trần Văn H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân tỉnh V:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 175, 185, 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 99, Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H (Trần Văn H) và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Kim Mạnh:

1. Công nhận cho những người thừa kế của ông Trần Văn S gồm các đương sự Diệp Thị X, Bà Trần Kim M, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công K, Trần Công S1 được quyền sử dụng tách thửa 21 diện tích 1.617,6m² đất ONT-CLN, tờ bản đồ số 14; tách thửa 21 diện tích 1.961,0m² đất ONT-CLN, tờ bản đồ số 14 do ông Trần Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V. Giao bà Diệp Thị X, Trần Kim Mạnh, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công K, Trần Công S1 được sở hữu toàn bộ cây trồng gắn trên đất.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 20/11/2017)

+ Buộc gia đình Bà Trần Kim M gồm bà Diệp Thị X, Trần Kim Mạnh, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công K, Trần Công

S1 bồi hoàn cho ông Nguyễn Văn H giá trị chuồng bò tổng cộng thành tiền là 7.738.600 đồng (bảy triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

+ Giao cho gia đình bà M gồm bà Diệp Thị X, Trần Kim Mạnh, Trần Kim C, Trần Kim L, Trần Kim T, Trần Kim Q, Trần Công Khải, Trần Công S1 được sở hữu một chuồng bò do gia đình ông H xây dựng có kết cấu cột bê tông cốt thép chôn chân, mái tôn không trần, kết cấu đỡ mái đòn tay gỗ, nền láng xi măng, tường xây lửng cao 60 cm gắn trên diện tích 1.961,0m² đất ONT-CLN thuộc tách thửa 21, tờ bản đồ số 14 tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

2. Buộc Bà Trần Kim M giao trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn H (Trần Văn H) diện tích 494,9m² đất BCS tại tách thửa 18, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 20/11/2017).

+ Buộc bà M đốn phá và di dời các cây nhãn trên diện tích 494,9m² đất BCS tại tách thửa 18, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V đất mà ông H không phải bồi hoàn giá trị cây trồng.

+ Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi hoàn cho bà M giá trị chuồng heo là 10.865.106đ (mười triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm lẻ sáu đồng). Giao cho ông H được sử dụng một chuồng heo do bà M xây dựng diện tích 45,362m² có kết cấu nền láng xi măng, cột bê tông cốt thép chôn chân, tường xây lửng gắn trên diện tích 494,9m đất tại chiết thửa 18.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H (Trần Văn H) yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 253/QĐ-UBH ngày 13/10/1993 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 số vào sổ 26043 ngày 12/10/1993 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Trần Văn S thửa đất số 737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ số 14) diện tích 5.770m² tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H (Trần Văn H) yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B449062 số vào sổ 26043 ngày 12/10/1993 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Trần Văn S thửa đất số 737 (nay là thửa 21), tờ bản đồ số 4 (nay là tờ bản đồ số 14) diện tích 5.770m² tọa lạc Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

4. Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá, thẩm định:

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định và định giá là 4.344.000 đồng. Do ông H có người đại diện theo ủy quyền là Ông Phạm Ngọc K đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định và đã trừ vào số tiền nộp tạm ứng này, nên ông H đã nộp đủ.

+ Buộc bị đơn Bà Trần Kim M phải chịu chi phí đo đạc định giá là 1.448.000đ đồng. Bị đơn Bà Trần Kim M phải nộp 1.448.000đ (một triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng) để hoàn trả lại cho ông H.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn H phải chịu 17.893.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền 18.480.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000418 ngày 20/12/2016, số 0000974 ngày 07/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh V; ông H được nhận lại số tiền 587.000đ (năm trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

+ Buộc bà M phải chịu 2.474.500 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 1.200.000 đồng nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000935 ngày 04/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh V; bà M còn phải nộp 1.274.500đ (một triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về trách nhiệm do chậm thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hành tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (ông Nguyễn Thanh P nộp thay) theo Biên lai thu số 0001297 ngày 09/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh V; ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Ông Nguyễn Thanh P phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Phong đã nộp theo Biên lai thu số 0001296 ngày 09/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh V; ông Phong đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án là ngày 24 tháng 9 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1)
- TAND tỉnh V (1)
- VKSND tỉnh V (1)
- Cục THADS tỉnh V (1)
- Các đương sự (12)
- Lưu HS (1) VP (6) (PTHH-24)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Thành

Đặng Văn Ý

Đỗ Đình Thanh